TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày 23 - 4 - 2018
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 - 4 - 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân TP. B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Địa chỉ: Phường H, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1983- Chức vụ: Nhân viên tín dụng Ngân hàng A- Phòng giao dịch B. *(Theo văn bản ủy quyền số 20/UQ/2017 ngày 07/9/2017).*

Địa chỉ: Số 238 - 240 đường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T;

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- *Người đại diện theo pháp luật của công ty:* Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1986 - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, *(Vắng mặt).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Anh T trình bày:*

Ngày 12/10/2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T (gọi tắt là Công ty T) có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng cấp tín dụng số CDA.DN.189.111016, để vay số tiền là 2.200.000.000đồng; Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh mua mới dây chuyền sản xuất bồn inox phục vụ kinh doanh sản xuất bồn inox; Thời hạn vay: 72 tháng, lãi suất vay 9.2%/năm trong 3 tháng đầu và lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn là 150% so với lãi suất vay; Phương thức trả hằng tháng, mỗi tháng trả 10.903.000đồng. Hạn trả nợ ngày 12/10/2022.

Để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng trên, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty T vay theo 03 khế ước nhận nợ: Cụ thể: Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/01 ngày 12/10/2016 số tiền 200.000.000đồng; Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/02 ngày 14/10/2016 số tiền là 785.000.000đồng và Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/03 ngày 21/10/2016 số tiền là 230.000.000đồng; Tổng cộng là: 1.215.000.000đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, thì Công ty T có ký với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp, để thế chấp các tài sản cụ thể:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số CDA.BĐDN.169.131016 ngày 14/10/2016 để thế chấp Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.849m^2 ; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 190356 do UBND thị xã B cấp ngày 24/12/1991 cho ông Nguyễn Trọng V; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: xã H, thị xã B (nay là Phường K, thành phố B). Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng tặng cho ông Nguyễn Đình H tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Tp. B ngày 19/8/2015. Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T với số tiền là 827.000.000đồng.

Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CDA.BĐDN.408.101016 ngày 12/10/2016 để thế chấp tài sản là: Xe tải có mui, nhãn hiệu VEAM, số khung: RN1H1B18XDMM00571, số máy: D4DDA422804, biển kiểm soát: 47C-063.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Số 009309 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 16/07/2013 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thái H1. Được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 12/10/2016 theo văn bản thông báo số CE16060580BD.

Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CDA.BĐDN.144.131016 ngày 20/10/2016, tài sản thế chấp là xe nâng loại 1 tấn nhãn hiệu Mitsubishi, số khung: F 2500756, số máy: H 14369 và xe nâng loại 1.5 tấn nhãn hiệu Mitsubishi, số khung: M 2212008, số máy: KL 5000517 theo Hợp đồng mua bán ngày 25/07/2016. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 001490 ngày 01/08/2016 thuộc quyền sở hữu của Công ty T. Được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 20/10/2016 theo văn bản thông báo số CE16062537BD.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng và để thu hồi nợ, ngày 27/12/2017 Ngân hàng với Công ty T và ông H1, bà M đã thỏa thuận cùng nhau xử lý tài sản thế chấp là xe tải có mui, nhãn hiệu VEAM, số khung: RN1H1B18XDMM00571, số máy: D4DDA422804, biển kiểm soát: 47C- 063.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009309 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 16/07/2013 được số tiền 191.490.000đồng.

Tổng cộng Công ty T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc + lãi và tiền xử lý tài sản thế chấp được tổng số tiền là: 296.060.363đồng; (Trong đó; trả tiền gốc là 258.994.000đồng; trả tiền lãi: 37.066.363đồng). Trong đó, cụ thể Công ty T đã trả cho các khế ước như sau:

Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/01, giải ngân ngày 12/10/2016 trả gốc 200.000.000đồng, trả lãi 6,256,495đồng. Công ty T còn nợ tiền lãi là 24,679,088đồng.

Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/02, giải ngân ngày 14/10/2016 trả gốc 46.214.000đồng, trả lãi 23,947,791đồng. Công ty T còn nợ tiền gốc 738,786,000đồng, tiền lãi 115.010.372đồng. Tổng cộng: 853,796,372đồng.

Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/03, số tham chiếu: 225483379 ngày 21/10/2016, giải ngân ngày 21/10/2016, trả gốc 12.780.000đồng, trả lãi 6,862,077đồng. Công ty T còn nợ tiền gốc 217,220,000đồng, tiền lãi 34.706.471đồng. Tổng cộng: 251,926,471đồng.

Hiện Công ty T còn nợ Ngân hàng 956.006.000đồng tiền gốc; tiền lãi 174.395.931đồng; Tổng cộng là 1.130.401.931đồng; (Trong đó: Lãi trong hạn 41.172.824đồng; lãi quá hạn 132.709.355đồng; Lãi chậm trả 513.752đồng); Tiền lãi tạm tính đến ngày 07/3/2018. Hiện khoản vay trên đã quá hạn từ ngày 23/3/2017.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.130.401.931đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp, Công ty T không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản cũng như các tài sản khác có liên quan để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2017, người đại diện theo pháp luật cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T: Ông Nguyễn Thái H1 trình bày:*

Qua nội dung trình bày của Ngân hàng về Hợp đồng tín dụng, về các Khế ước nhận nợ và các Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản, thì ông H1 xác định: Công ty T có ký với Ngân hàng các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản để vay tiền là đúng như Ngân hàng trình bày.

Trong quá trình vay vốn cho đến nay, Công ty T đã trả cho Ngân hàng tiền gốc + lãi và tiền xử lý tài sản thế chấp được tổng số tiền là: 296.060.363đồng; (Trong đó; trả tiền gốc là 258.994.000đồng; trả tiền lãi: 37.066.363đồng). Hiện

Công ty T còn nợ Ngân hàng 956.006.000đồng tiền gốc; tiền lãi 174.395.931đồng; Tổng cộng là 1.130.401.931đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.130.401.931đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ, thì Công ty T xác định còn nợ Ngân hàng khoản tiền trên là đúng, nhưng do điều kiện làm ăn của công ty T gặp khó khăn nên Công ty T đề nghị Ngân hàng cho Công ty thời gian để Công ty thu xếp trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Sau khi Công ty T trả xong khoản nợ gốc và lãi trong hạn thì đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả cho Công ty T.

Trường hợp, Công ty T không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng có quyền xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản cũng như các tài sản khác có liên quan để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình H trình bày:*

Qua nội dung trình bày của Ngân hàng về Hợp đồng tín dụng, về các Khế ước nhận nợ và các Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản, thì ông H xác định: Công ty T có ký với Ngân hàng các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp để vay tiền là đúng như Ngân hàng trình bày.

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T, ông Nguyễn Đình H có ký hợp đồng thế chấp để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.849m^2; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 190356 do UBND thị xã B cấp ngày 24/12/1991 cho ông Nguyễn Trọng V; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: xã H, thị xã B (nay là Phường K, thành phố B). Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng tặng cho ông Nguyễn Đình H tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Tp. B ngày 19/8/2015. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số CDA.BĐDN.169.131016 ngày 14/10/2016 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, số công chứng 04178 vào quyển số 01TP/CC-SCC/HĐCGD và đăng ký thế chấp tại Chi Nhánh Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Thành Phố B, tỉnh Đăk Lăk. Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T với số tiền là 827.000.000đồng.

Trong quá trình vay vốn cho đến nay, Công ty T đã trả cho Ngân hàng tiền gốc + lãi và tiền xử lý tài sản thế chấp được tổng số tiền là: 296.060.363đồng; (Trong đó; trả tiền gốc là 258.994.000đồng; trả tiền lãi: 37.066.363đồng). Hiện nay Công ty T còn nợ Ngân hàng 956.006.000đồng tiền gốc; tiền lãi 174.395.931đồng; Tổng cộng là 1.130.401.931đồng.

Nay Ngân khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.130.401.931đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ, thì ông H có ý kiến: Ông H đề nghị Ngân hàng cho Công ty T và ông H thời gian để thu xếp trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Sau khi Công ty T và ông H trả đủ khoản tiền gốc vay và tiền lãi trong hạn thì đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả cho Công ty T và ông H. Trường hợp, Công ty T không thanh toán được nợ, thì ông H đồng ý để

Ngân hàng xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba cũng như các tài sản khác có liên quan để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

**/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có căn cứ: Đề nghị HĐXX buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 956.006.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn là Công ty T sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét hợp đồng cấp tín dụng số CDA.DN.189.111016 ngày 12/10/2016 ký kết giữa Ngân hàng với Công ty T là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Để thực hiện hợp đồng cấp tín dụng trên, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho công ty T vay theo 03 khế ước nhận nợ: Cụ thể: Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/01 ngày 12/10/2016 số tiền 200.000.000đồng; Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/02 ngày 14/10/2016 số tiền là 785.000.000đồng và Khế ước nhận nợ số CDA.DN.189.111016/03 ngày 21/10/2016 số tiền là 230.000.000đồng; Tổng cộng là: 1.215.000.000đồng, thời hạn vay 72 tháng. Công ty T đã trả được cho Ngân hàng 296.060.363đồng; (Trong đó; trả tiền gốc là 258.994.000đồng; trả tiền lãi: 37.066.363đồng). Hiện nay Công ty T còn nợ Ngân hàng 956.006.000đồng tiền gốc; tiền lãi 174.395.931đồng; Tổng cộng là 1.130.401.931đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 07/3/2018). Hiện khoản vay trên đã quá hạn từ ngày 23/3/2017.

Do ông Công ty T đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cấp tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận. Vì vậy, HĐXX cần buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 956.006.000đồng tiền gốc; 174.395.931đồng tiền lãi; Tổng cộng là 1.130.401.931đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 07/3/2018. Kể từ ngày 08/3/2018, Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số CDA.BĐDN.169.131016 ngày 14/10/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng (bên A), bên thế chấp là ông Nguyễn Đình H (bên B), bên vay vốn là Công ty T (bên C), để thế chấp Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.849m^2 , theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 190356 do UBND thị xã B cấp ngày 24/12/1991 cho ông Nguyễn Trọng V; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: xã H, thị xã B (nay là Phường K, thành phố B). Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng tặng cho ông Nguyễn Đình H tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Tp. B ngày 19/8/2015, là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 68 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm. Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ thì tài sản thế chấp trong Hợp đồng này cần phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ của bên vay là Công ty T.

Xét các hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản ký giữa Công ty T và Ngân hàng số: CDA.BĐDN.408.101016 ngày 12/10/2016 và CDA.BĐDN.144. 131016 ngày 20/10/2016, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là Công ty T và ông H1, bà M, các bên đã cùng nhau thỏa thuận ký kết thế chấp tài sản để vay vốn là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đồng thời đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng là đúng theo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Để thu hồi nợ, ngày 27/12/2017 giữa Ngân hàng với Công ty T và ông H1, bà M đã thỏa thuận cùng nhau xử lý tài sản thế chấp là xe tải có mui Nhãn hiệu VEAM, biển kiểm soát: 47C-063.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009309 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 16/07/2013 được số tiền 191.490.000đồng. Ngân hàng đã tiến hành thu hồi để trả nợ cho các Khế ước nhận nợ mà Công ty T đã vay.

[4]. Sau khi Công ty T trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Đình H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A 190356 do UBND Thị xã B cấp ngày 24/12/1991 và trả lại cho Công ty T hợp đồng mua bán ngày 25/07/2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 001490 ngày 01/08/2016 thuộc quyền sở hữu của Công ty T.

[5]. Trong trường hợp Công ty T không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 1.130.401.931đồng = 36.000.000đồng+ (1.130.401.931đồng–800.000.000đồng x 3%) = 45.912.000đồng.

Ngân hàng A được nhận lại 24.466.000đồng tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 717, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền là 1.130.401.931đồng *(Một tỷ, một trăm ba mươi triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, chín trăm ba mươi một đồng);* (Trong đó: tiền gốc là 956.006.000đồng; tiền lãi 174.395.931đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 07/3/2018).

Kể từ ngày 08/3/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T trả xong nợ gốc và lãi thì Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Đình H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A 190356 do UBND Thị xã B cấp ngày 24/12/1991.

Trả lại cho Công ty T hợp đồng mua bán ngày 25/07/2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 001490 ngày 01/08/2016 thuộc quyền sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T.

3. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 190356 do UBND thị xã B cấp ngày

24/12/1991 cho ông Nguyễn Trọng V. Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng tặng cho ông Nguyễn Đình H tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Tp. B ngày 19/8/2015. Thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.849m^2; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Phường K, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Xe nâng loại 1 tấn nhãn hiệu Mitsubishi, số khung: F 2500756, số máy: H 14369 và xe nâng loại 1.5 tấn nhãn hiệu Mitsubishi, số khung: M 2212008, số máy: KL 5000517 theo Hợp đồng mua bán ngày 25/07/2016 và hóa đơn giá trị gia tăng số 001490 ngày 01/08/2016 thuộc quyền sở hữu của Công ty T.

4. Về án phí:

4.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại và dịch vụ đầu tư T phải chịu 45.912.000đồng *(Bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười hai nghìn đồng)* tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Ngân hàng A được nhận lại 24.466.000đồng *(Hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp (Huỳnh Anh T nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số AA/2017/0000041, ngày 11 tháng 10 năm 2017.

5. Thông báo quyền kháng cáo:

5.1. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- P.Kiểm tra-TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND TP.B;
- CC THADS TP.B;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn